

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ
NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ: Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Xây dựng.

Trung tâm Kiểm định Chất lượng Xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức: Trung tâm Kiểm định Chất lượng Xây dựng- Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang.

Quyết định thành lập số 438/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở xây dựng tỉnh Tuyên Quang.

Quyết định số 45/2005/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số 429, đường 17/8, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.

Điện thoại: 0207.3815055 Email: ttkdclxdtq@gmail.com

Mã số thuế: 5000911241 Website: <http://ttkd.tuyenquang.gov.vn>

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm cố định tại cơ sở 1: Số 429, đường 17/8, phường Minh Xuân; Cơ sở 2: Số 380, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

2. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	Xi măng, clanke	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348; AASHTO T106, T132
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C151, C266; AASHTO T129, T107
	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim Vicat cải biến	TCVN 8875:2012; ASTM C807
	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015; ASTM C451
II	Cốt liệu	
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27;
	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006; ASTM C295
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; AASHTO T19
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C70, C566; AASHTO T255

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006; ASTM C87; C117, C412; AASHTO T11, T71, T112
	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu có trong cốt liệu	TCVN 14135-3:2025
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21
	Xác định cường độ, độ bền nén, chịu kéo khi bửa, độ bền cắt, mô đun đàn hồi, hệ số hoá mềm	TCVN 7572-10:2006; ASTM C170, D7012, D3148, D5731, D3967
	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C170
	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T96, T327
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM 4791; AASHTO T335
	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C227, C289, C1260
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá, hạt nhẹ	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142, C123; AASHTO T112, T113
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006; ASTM D5821
	Xác định hàm lượng silic ôxít vô định hình	TCVN 7572-19:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định chỉ số methylen xanh	TCVN 7572-21:2018 ; ASTM C1777
	Xác định khối lượng riêng của đá (xây dựng công trình thủy lợi) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
	Xác định độ ẩm, độ hút nước của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
	Xác định khối lượng thể tích của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
	Xác định độ bền nén một trục của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định các chỉ tiêu của cốt liệu nhẹ cho bê tông	TCVN 6221:1997
	Xác định hệ số đương lượng cát	AASHTO T176; ASTM D2419
	Hàm lượng chất tan trong nước của cốt liệu cho bê tông	TCVN 12208:2018
	Hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024; TCVN 11969:2018; JIS A1103
	Thành phần hạt cốt liệu bằng phương pháp khô	TCVN 14135-5:2024
	Hàm lượng vật liệu tạp lai và vật liệu nhẹ của cốt liệu	TCVN 11969:2018
III	Kim loại, mối hàn	
	Kiểm tra chiều dày vật liệu cơ bản, chất lượng mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 6735:2018;
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn nóng chảy bằng mắt thường	TCVN 7507:2016; AWS D1.1, D1.2
	Thử kéo kim loại	TCVN 197-1:2014; TCVN 7937-1,2,3:2013
	Thử uốn kim loại	TCVN 6287:1997; TCVN 198:2008
	Thử kéo mối nối kim loại	TCVN 197-1:2014; TCVN 7937-1,2,3:2013
	Thử uốn mối nối kim loại	TCVN 6287:1997; TCVN 198:2008
	Thử nghiệm bu lông, vít, vít cấy và đai ốc	TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989; TCVN 197-1:2014; TCVN 1916:1995
	Thử thanh cốt thép có đầu neo	TCVN 13684-2:2023
	Thử mối nối thép cốt bê tông bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023
IV	Gạch đất sét nung	
	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009; ASTM C67; AASHTO T32
	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009; ASTM C67; AASHTO T32
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; ASTM C67; AASHTO T32

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009;
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009;
V	Gạch bê tông	
	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
VI	Bê tông nhẹ	
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017
	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017
	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
VII	Gạch bê tông tự chèn	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
VIII	Gạch Terazo	
	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013; TCVN 6065:1995
	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2016
IX	Gạch xi măng lát nền	
	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định độ chịu lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995
	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995
	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
X	Gạch lát granito	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6074:1995
	Xác định độ mài mòn lớp mặt và độ chịu lực xung kích	TCVN 6065:1995

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
XI	Bitum, nhựa đường lỏng	
	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T51
	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36; AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48
	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6; AASHTO T47
	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D2042; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170; AASHTO T201
	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-2:2011
	Xác định hàm lượng nước của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-3:2011
	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
	Xác định độ nhớt	TCVN 8818-5:2011
	Độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
	Độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
XII	Nhũ tương nhựa đường	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
	Xác định độ đàn hồi ở 25°C	AASHTO T301
XIII	Bột khoáng	
	Đánh giá hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
	Xác định tỷ lệ thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
	Xác định lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
	Xác định độ ẩm, hệ số hao nước	TCVN 7572-7:2006; 22 TCN 58-84
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng	22 TCN 58-84
	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ rỗng dư, độ ổn định, độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58-84
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Khối lượng riêng, hệ số thích nước, thành phần hạt, độ ẩm	TCVN 12884:2020
XIV	Đất, vật liệu đắp	
	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:2012; ASTM D854; AASHTO T100
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89, T90
	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014; ASTM D136, D1140, D422; AASHTO T27, T88
	Đất dùng trong xây dựng đường bộ: Thành phần hạt; giới hạn chảy, giới hạn dẻo, chỉ số dẻo; hệ số đương lượng cát	TCVN 14134-3,4,5:2024
	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995; TCVN 8725:2012; ASTM D3080; AASHTO T236

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định tính nén lún của đất	TCVN 4200:2012; ASTM D2435
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; ASTM D1557, D698
	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 4202:2012; ASTM D2937; AASHTO T204
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
	Thí nghiệm đầm nén proctor đất, đá dăm	TCVN 12790:2020;
	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193
	Xác định các đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546
	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012; ASTM D4546
	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267
	Xác định chất khô và hàm lượng nước theo khối lượng của đất	TCVN 6648:2000
XV	Đất, đá dăm cấp phối, cấp phối thiên nhiên gia cố bằng chất kết dính vô cơ	
	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 8858:2011; TCVN 10379:2014; ASTM D1633
	Xác định cường độ chịu ép chẻ	TCVN 8862:2011
	Xác định mô đun đàn hồi trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
XVI	Bê tông nhựa	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927; AASHTO T245
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
XII	Bê tông và hỗn hợp bê tông	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119
	Xác định độ cứng vebe	TCVN 3107:2022; ASTM C1170
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138; AASHTO T121
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158
	Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:2022
	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C231; AASHTO T152
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 3112:2022; ASTM C138; AASHTO T121
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022;
	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nặng	TCVN 3115:2022 ;
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; ASTM C403
	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157; AASHTO T160
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78, C293; AASHTO T97, T177
	Xác định cường độ kéo khi bẻ/chẻ	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011; AASHTO T198
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5276:2022; ASTM C469

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định hệ số thấm nước	TCVN 8219:2009
	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012;
	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật bê tông tự lèn	TCVN 12209:2018
	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020
	Kiểm tra và đánh giá cường độ trên kết cấu toàn khối và sản phẩm đúc sẵn	TCVN 14524:2025
	Hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012
	Độ pH	TCVN 9339:2012
XVI II	Vữa xây dựng	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
	Xác định thời gian đông kết vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 11971:2018; ASTM C807
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9204:2012; TCVN 10667:2014; ASTM C109, C348, C349, C942
	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022;
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022; ASTM C1403
	Xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, chiều dài của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 9204:2012; ASTM C157, C596, C827, C1090
	Xác định lượng vón cục trên sàng	TCVN 11971:2018
	Xác định độ chảy và độ chảy lan tỏa	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C939, C940, C1437
	Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C940
XIX	Thử nghiệm tại hiện trường và cấu kiện đúc sẵn	
	Xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bêt nẩy	TCVN 9334:2012
	Kiểm tra đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; ASTM C597
	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép bằng phương pháp điện từ	TCVN 9356:2012
	Xác định độ lún công trình bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
	Xác định chuyển dịch ngang công trình bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012
	Xác định độ nghiêng công trình bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012
	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường	22TCN 02-71; 22TCN 346-06; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020; ASTM D1556; AASHTO T191, T204
	Xác định độ bằng phẳng bề mặt các lớp kết cấu đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235
	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
	Xác định độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011;
	Xác định độ đồng đều và hàm lượng của nhựa, nhũ tương, cốt liệu trong quá trình thi công đường	TCVN 8863:2011; TCVN 9505:2012
	Thử nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143

TT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Xác định cường độ bám dính nền của lớp phủ bề mặt kết cấu	TCVN 9349: 2012
	Kiểm tra tiếp địa, chống sét	TCVN 9385:2012
	Độ chặt của đất hiện trường	TCVN 12791:2020
	Viên bó vữa đúc sẵn: Kích thước và ngoại quan, cường độ, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015;
	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường: Kích thước và ngoại quan, cường độ, độ mài mòn, khả năng chịu tải	TCVN 10798:2015

2.2. Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
I	Cột liệu cho bê tông và BTN	
	Bình tỷ trọng (bình tam giác)	1000ml
	Bình hút âm (thủy tinh)	
	Bộ sàng tiêu chuẩn đá dăm: 100, 70, 40, 20, 10, 5, đáy, nắp	
	Xi lanh F75	Model: TA662
	Xi lanh F150	Model: TA661
	Thiết bị chia mẫu đá	
	Thiết bị chia mẫu cát	
	Bình dung trọng đá bằng thép	Dung tích 2, 5, 10, 20 lít
	Bình dung trọng cát bằng thép	Dung tích 1 lít
	Máy mài mòn Los Angeles (kèm bộ bi nghiền)	Model: MH -1 (Code: TN003): Kích thước thùng F711xL508mm. Tốc độ vòng quay 33rpm. Kèm 12 bi thép F48mm, trọng lượng 405-450g/viên và khay hứng vật liệu. Cài đặt số vòng quay theo yêu cầu
	Máy mài mòn Los Angeles (kèm bộ bi nghiền)	
	Bộ sàng tiêu chuẩn cát (5; 2,5; 1,25; 0,63;0,316;0,14; 0,075, đáy, nắp) đường kính 30cm	
	Bình rửa thí nghiệm hàm lượng bụi bùn sét của cát	
	Bình rửa thí nghiệm hàm lượng bụi bùn sét	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
	của đá dăm	
	Thước thép thí nghiệm thoi dẹt	
	TB thử độ góc cạnh cát	
	TB thử độ góc cạnh đá	
	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	
	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	
	Bộ TB xác định hàm lượng CL- trong cốt liệu	
	Bộ TB thí nghiệm khả năng phản ứng kiểm silic trong cốt liệu	Hãng: Controls - Ý
	Máy lắc sàng cốt liệu	T-Tech; dùng cho sàng D200 và D300
	Máy lắc sàng cốt liệu	Matest Dùng cho sàng tiêu chuẩn D300mm; nguồn điện: 220V/50Hz
	Thí nghiệm đương lượng cát	Controls - Ý
II	Xi măng, vữa xi măng	
	Dụng cụ vika	
	Dụng cụ vika	Hãng Controls
	Dụng cụ thử độ lưu động vữa	
	Thùng chung mẫu (hấp mẫu)	Model: TE094, dung tích 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380
	Khuôn cày cua (Lechatolite)	(Code: TN070)
	Máy trộn vữa xi măng (cối trộn 5 lít)	Model: JJ-5 (ZT-96)
	Máy trộn vữa xi măng (cối trộn 5 lít)	Model: JJ-5 (ZT-96)
	Máy thử uốn, nén 300kN	Mater
	Gối thử uốn xi măng	
	Gối thử nén xi măng	
	Bình thử khối lượng riêng (bình thót cổ thủy tinh)	Model: TEO11
	Bình thử khối lượng riêng (bình thót cổ thủy tinh)	Việt Nam
	Bàn dẫn xi măng (điện)	
	Bàn dẫn xi măng (quay tay)	
	Khuôn mẫu xi măng 4x4x16cm	
	Sàng 0,09mm	
	Tủ dưỡng hộ	Trung Quốc
	Tủ dưỡng hộ	Model: SHBY - 40B (HBY-40B)

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
	Khuôn đúc mức chuẩn để thử độ bền sunfat (25,4x25,4x285,75)mm	
	Chày vuông đầm mẫu, khối lượng chày (400±15)g	
	Dụng cụ đo chiều dài + đồng hồ micrometter + thanh chỉnh	
	Khuôn đúc mẫu thử giãn nở	Việt Nam
	Dụng cụ đo độ giãn nở	Hãng Controls
	Khuôn 7x7x7cm	
	Khuôn 5x5x5cm	
	Phễu đo độ chảy + giá đỡ	
	Khuôn thí nghiệm độ co ngót	T-TECH; Kích thước 250mm
III	Đất, đá dăm cấp phối, vật liệu đắp	
	Bộ sàng AASHTO: 50; 37,5; 25; 19; 12, 5; 9,5; 4,75; 2; 1; 0,5; 0,425; 0,2; 0,1; 0,08; 0,05; đáy, nắp.	
	Dụng cụ Casagrande	Việt Nam
	Dụng cụ Casagrande	Việt Nam
	Cối đầm nện tiêu chuẩn	
	Cối đầm nện cải tiến	
	Chày đầm tiêu chuẩn	
	Chày đầm cải tiến	
	Khuôn đầm D101 (đất, cát)	
	Máy đầm mẫu đất	Máy đầm CBR/PROTOR tự động; Kèm phụ kiện tiêu chuẩn
	Thiết bị đầm mẫu đất tự động	Trung Quốc
	Máy nén CBR, bao gồm cung lực	Hãng Test
	Khuôn CBR	Hãng Test
	Máy nén CBR, bao gồm cung lực	
	Máy nén CBR, bao gồm cung lực	Hãng Matest
	Khuôn CBR	
	Máy cắt phẳng (đồng bộ thiết bị phụ trợ đi kèm)	
	Máy nén tam liên (đồng bộ)	Model: WG
	Bộ quả cân máy nén tam liên (bộ riêng ngoài máy)	
	Tỷ trọng kế	
	Thiết bị Vaxiliep	
	Khuôn đầm mẫu gia cố xi măng	
	Bộ thử thấm đất, cát	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
	TN đo độ trương nở đất	Việt Nam
	Bộ TB xác định TPH của đất bằng phương pháp tỷ trọng	Hãng sản xuất: Control
	Hộp thí nghiệm độ ẩm (hộp ẩm)	
IV	Thép, vật liệu kim loại	
	Máy kéo thép vạn năng WEW-1000B	Model: WE - 1000B; Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN - Kéo thép tròn từ D5n - D45 và thép dẹt dày từ 0-40mm; - Máy được dùng để nén bê tông, uốn bê tông, nén vữa xi măng, và kéo thép; Hành trình piston 150mm; - Kéo thép tròn từ D6-D45 và thép dẹt dày từ 0-40mm; Kích thước máy: H2200x760xW1900
	Máy kéo thép vạn năng	Hãng sản xuất: Jingyuan; Model: WEW-1000B
	Máy kéo thép vạn năng điện tử	ĐL Việt Nam
	Máy cắt thép	
	Bộ gá kéo uốn thép	
	Bộ gôi uốn thép	
	Bộ gôi uốn thép	T-TECH; Model T06.083: D30-36-40-50-56-60-64-70-80-84-96-108-120-132-150-168-192
	Bộ gá kéo bu lông	T-TECH; Model T06.043; M10-12-14-16-18-20-22-25-28-30-32
V	Gạch bê tông, gạch đất sét nung	
	Bộ gôi uốn gạch	
	Bộ thử thấm gạch bê tông	
VI	Gạch, đá ốp lát	
	Thước kẹp 1000mm x 0,02mm	Trung Quốc
	Thước vuông góc 1000mm	Model MT-100
	Thiết bị thử uốn gạch men ceramic	Trung Quốc
	Thiết bị xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	Trung Quốc
	Máy xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	Trung Quốc
	Thang cứng Mohs tiêu chuẩn	Hãng Humboldt; Model

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
		H3422; Gồm các viên đá chuẩn để thử độ cứng từ 1-9
	Máy mài mòn đá tự nhiên	Trung Quốc
	Vật liệu mài alundum N60	N60
	Máy mài mòn (gạch tự chèn, bê tông)	
VII	Bê tông và hỗn hợp bê tông	
	Máy thử thấm bê tông	Model HS -40. Áp lực nước tối đa 4Mpa. Điện áp 220V. Thí nghiệm đồng thời trên 6 mẫu D150x150mm
	Khuôn trụ thử thấm dùng cho mẫu D150x150mm (thép, kèm theo máy thử thấm)	
	Máy nén bê tông	Tải trọng nén lớn nhất 200kN Model: TYE - 2000; Hai thang lực: 0-800kN và 0-2000KN - Trung Quốc
	Máy nén bê tông	Tải trọng nén lớn nhất 3000kN Model: MaTest Internarional - Anh
	Máy nén bê tông	Tải trọng nén lớn nhất 200kN Model: TYE - 2000; Hai thang lực: 0-800kN và 0-2000KN - Trung Quốc
	Máy nén bê tông	Tải trọng nén lớn nhất 200kN Model: TYE - 2000; Hai thang lực: 0-800kN và 0-2000KN - Trung Quốc
	Máy nén bê tông, tải trọng nén lớn nhất 200kN	Tải trọng nén lớn nhất 2000kN
	Máy kéo nén vạn năng	WE-1000B
	Khuôn đúc mẫu thử thấm, D150x150mm, bằng nhựa	
	Khuôn đúc mẫu thử thấm, D150x150mm, bằng sắt	
	Khuôn đúc mẫu thử uốn 150x150x600mm, bằng thép	
	Khuôn đúc mẫu thử uốn 150x150x600mm,	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
	bảng nhựa	
	Khuôn (150x150x150)mm; bảng nhựa	
	Khuôn (200x200x200)mm; bảng sắt	
	Khuôn (100x100x100)mm; bảng sắt	1 khuôn 3 mẫu
	Khuôn 150x300mm	
	Bộ côn thử độ sụt bê tông	
	Bàn rung đúc mẫu	Tần suất max 7000/p, min 3600/p; đường kính rung mã 1,5 inch (38,1mm), min 0,75inch (19mm). Kích thước 1200x630x600mm
	Bộ gá thử uốn bê tông	
	Khuôn thí nghiệm độ co ngót bê tông	
	Khuôn capping mẫu	
	Máy trộn bê tông	Dung tích 90 lít
VIII	Nhựa đường, vật liệu thấm bám	
	Thiết bị thử độ kim lún	Trung Quốc
	Thiết bị thử độ kim lún	Trung Quốc
	Bể điều nhiệt lạnh	Trung Quốc
	Dụng cụ xác định độ hóa mềm nhựa	Trung Quốc
	Dụng cụ xác định độ hóa mềm nhựa	Model :SYD-2806
	Dụng cụ xác định độ hóa mềm nhựa	
	Thí nghiệm độ bắt lửa	Model: SYD-3536
	Máy xác định hàm lượng parafin	Trung Quốc
	Máy dẫn dài nhựa	
	Xác định hàm lượng hòa tan trong dung dịch tricloetylen	Trung Quốc
	Độ hoà tan trong Tricloetylen (Cốc Gooch, bình Erlenmeyer, giấy lọc)	
	Máy đo độ nhớt Saybolt	Trung Quốc
	Máy đo độ nhớt Saybolt	
	Thiết bị kiểm tra độ nhớt động học của nhựa đường	Model SYD 265D-1 1. Nguồn điện làm việc: AC220V \pm 10%, 50Hz. 2. Công suất làm nóng: 1000W (sưởi ấm phụ) 600W (sưởi ấm được kiểm soát nhiệt độ) 3. Nhiệt độ bể: nhiệt độ phòng \sim 150.0 $^{\circ}$ C 4. Độ chính xác kiểm soát nhiệt độ: \pm 0,01 $^{\circ}$ C.

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
		5. Nhiệt kế thủy ngân: chia độ 0,1 °C, dải đo nhiệt độ 50 ~ 100 °C.
	Tỷ trọng kế xác định KLR nhựa đường theo TCVN 9501:2005	Trung Quốc
	Bình thủy tinh 25ml thử khối lượng riêng	
IX	Bê tông nhựa	
	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa	Bao gồm: Bình tam giác có vòi 1000ml (03 ch); Bình tam giác có vòi 2.5 lít (01 ch); Bơm chân không (01 ch); Ống cao su (02 m); Đồng hồ áp (02 ch); Van đồng cho hút chân không, các dây nối và van khóa
	TB thử tỷ trọng riêng của HH BTN	Trung Quốc
	Dụng cụ đầm Marshall	Việt Nam
	Khuôn đầm mẫu Marshall	Việt Nam
	Dụng cụ đầm Marshall	Việt Nam
	Máy nén Marshall tự động	Trung Quốc
	Máy nén Marshall	
	Máy quay li tâm (chiết nhựa)	Việt Nam
	Máy quay li tâm (chiết nhựa)	Model: SLF
	Bể ổn nhiệt Marshall	Model: CF-B; điện tử
	Bơm hút chân không	Controls - Ý
	Bình hút chân không	Trung quốc
X	Kiểm tra sức chịu tải của cọc	
	Kích thủy lực 2000kN - Trung Quốc	Model: KN200; 200 tấn
	Bơm thủy lực kèm theo kích 2000kN - Trung Quốc	
	Kích thủy lực điện kèm bơm điện	Việt Nam
	Kích thủy lực 5000kN	Kích thủy lực 500 tấn
	Kích thủy lực 2000kN	Kích thủy lực 200 tấn
	Bơm thủy lực kèm theo kích	
	Dầm thép làm dầm phụ	
	Dầm thép làm dầm gá đồng hồ	
	Bộ gá đồng hồ	
	Đồng hồ so 0-50mm	
XI	Thí nghiệm hiện trường	
	Bộ đo K rút cát	
	Bộ đo K dao vòng	Trung quốc
	Bộ đo K dao vòng	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
	Thí nghiệm đo E tấm ép cứng: Kích đo E, bộ gá đồng hồ, tấm ép cứng (D33; D46; D61; D76)	Trung quốc
	Thước 3 m	Trung quốc
	Thí nghiệm đo E Benkelman	Model: HM574
	Thí nghiệm đo E Benkelman	Model BB941
	Bộ đo Nhám	
	Máy siêu âm bê tông	Hãng Proceq; Nhãn hiệu Tico
	Máy siêu âm bê tông	Trung quốc
	Súng bắn bột nảy	Hãng Proceq
	Súng bắn bột nảy	Hãng Proceq
	Máy siêu âm dò cốt thép	Trung quốc
	Máy siêu âm mối hàn	Hãng Olympus
	Mẫu chuẩn dùng cho máy siêu khuyết tật kim loại (mối hàn): Mẫu chuẩn để hiệu chỉnh, mẫu chuẩn 19cm, mẫu chuẩn 38cm	
	Kích kéo nhỏ neo	
	Bộ ngàm kéo nhỏ neo	
	Thiết bị đo CBR hiện trường	
	Máy đo điện trở tiếp địa	Hãng Kyoritsu
	Máy định vị vệ tinh I83 GNSS	Hiệu CHC
	Máy thử độ bám dính nền, tường	Hãng Master - 2012
XII	Dụng cụ dùng chung	
	Cân kỹ thuật 150kg	Hãng ADAM; Model CPWplus-150; khả năng cân $150 \pm 0,05\text{kg}$
	Cân kỹ thuật 30 kg	Hãng Shinko, Ohaus; $30\text{kg} \pm 0,5\text{g}$
	Cân kỹ thuật 15 kg	Hãng Shinko, Ohaus; $15\text{kg} \pm 0,1\text{g}$
	Cân kỹ thuật 10 kg	Model WT100001X; $10\text{kg} \pm 0,1\text{g}$
	Cân kỹ thuật 5000g	Model JM-50002; $5\text{kg} \pm 0,01\text{g}$
	Cân kỹ thuật 620g	Hãng Shinko; $620\text{g} \pm 0,001\text{g}$
	Cân kỹ thuật 520g	Hãng Shinko $520\text{g} \pm 0,001\text{g}$
	Cân điện tử 320g	Hãng A&D; $320\text{g} \pm 0,0001\text{g}$
	Cân kỹ thuật 100kg	Model ASI 2025; $100\text{kg} \pm$

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
		0,1g
	Thước kẹp cơ	
	Thước kẹp điện tử	
	Máy khoan bê tông DK hàn quốc	Model DK -10DS Điện áp 220V-50HZ;
	Máy khoan bê tông bàn	Honda
	Máy khoan bê tông 3500W	TQ
	Máy khoan bê tông 1800W	TQ
	Mũi khoan bê tông D150	
	Mũi khoan bê tông D100	
	Mũi khoan bê tông D70	
	Mũi khoan bê tông D50	
	Máy phát điện	Hsun3500
	Máy phát điện	HONDA
	Ống đong thủy tinh 2000 ml	
	Ống đong thủy tinh 1000 ml	
	Ống đong thủy tinh 500 ml	
	Ống đong thủy tinh 250 ml	
	Ống đong thủy tinh 200 ml	
	Ống đong thủy tinh 100 ml	
	Ống đong thủy tinh 50 ml	
	Ống đong thủy tinh 25 ml	
	Ống đong thủy tinh 10 ml	
	Đồng hồ so loại 0-10mm	
	Đồng hồ so loại 0-12,7mm	
	Đồng hồ so loại 0-25mm	
	Đồng hồ so loại 0-25,4mm	
	Đồng hồ so loại 0-30mm	
	Tủ sấy	Model 101-3; 225 lít; (Code: TN005)
	Tủ sấy	Mã số: 101-2 Tủ sấy 300 độ C, dung tích 136lít;
	Tủ sấy	Model: HN101-1
	Tủ sấy	
	Lò nung 1200 độ C	Model: SX2-5-12 Hãng Hunan dung tích 7.2 lít Công suất 5kW Nguồn điện 220V
	Lò nung 1000 độ C	T-TECH
	Khay tôn các loại	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật
	Bàn cân thủy tinh	
	Giỏ cân thủy tinh	
	Nhiệt kế thủy tinh	Nhiệt kế thủy tinh có vạch chia, chính xác đến 0,1 độ C
	Nhiệt kế kim loại 350 độ C	Bằng thép
	Kích đèn mẫu	Kích đèn mẫu vạn năng 4 và 6; Model: TS062; 16 tấn
	Kích thủy lực	Kích 32 tấn
	Máy cắt bê tông, cắt đá	Trung Quốc
	Máy cắt bê tông, cắt đá	T-Tech
	Khay đo hàm lượng nhựa (25x40cm)	
	Bếp ga công nghiệp	
	Bếp ga mini	

2.3. Cán bộ quản lý và thí nghiệm viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
1	Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng phòng	Kỹ sư giao thông (Chuyên ngành đường bộ)	Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm: Số 1159/7015/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 17/10/2023
				Bằng nghề thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô : Số 228672/LĐTBOXH, Trường CĐ GTVT Hà Nội, ngày 09/03/2004
				Chứng nhận quan trắc công trình xây dựng: Số 17/2014/CNBDNVC-CDMI, Trung tâm Phát triển công nghệ quản lý và kiểm định xây dựng, ngày 25/11/2014
2	Nguyễn Văn Dương	Phó Trưởng phòng	Cử nhân hóa Silicat	Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm: Số 10291/2012/VKH-THXD, Viện KHCN XD, ngày 12/9/2012

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
				<p>Chứng chỉ thí nghiệm viên xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường: Số 798.3.2006/VKHCN-TNV, Viện KHCN GTVT, ngày 11/5/2006</p> <p>Chứng chỉ thí nghiệm viên phương pháp thử các tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn: Số 1060/2006/VKHCN-TNV, Viện KHCN GTVT, ngày 20/5/2006.</p>
3	Trần Hải Hà	Phó Trưởng phòng	Kỹ sư Xây dựng (Xây dựng dân dụng công nghiệp)	<p>Chứng nhận quản lý phòng thí nghiệm: Số IEMM0103.12A-ĐT, Viện năng lượng và Mỏ Vinacomin ngày 15/3/2022</p> <p>Chứng nhận thí nghiệm phương pháp các tính chất cơ lý vật liệu kim loại và liên kết hàn: Số 347.2/2005VKH-TNXD, Viện KHCN Xây dựng, ngày 19/08/2005</p> <p>Chứng nhận thí nghiệm phương pháp xác định các tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng: 497.1/2005/VKH-TNXD, Viện KHCN Xây dựng ngày 20/09/2005</p> <p>Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc: Số 16095/2023/VKH-TNXD, Viện KHCN Xây dựng, ngày 5/5/2023</p>
4	Phạm Tuấn Vũ	Nhân viên	Kỹ sư Thủy lợi (Kỹ thuật Tài nguyên nước)	<p>Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ – lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng, số: 14203/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 31/5/2017</p> <p>Chứng nhận Thí nghiệm về vật liệu công trình giao thông, số: 14315/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 16/6/2017</p>

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
				<p>Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp thử các tính chất cơ - lý của Vật liệu kim loại và Liên kết hàn, số: 14363/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 19/6/2017</p> <p>Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp thử các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường, số: 14408/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 19/7/2017</p> <p>Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường, số: 15530-A15536B/VNĐ-TNV, Viện Nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới, ngày 20/6/2022</p> <p>Chứng nhận Thí nghiệm về hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc, số: 18060-A18068B/VNĐ-TNV, Viện Nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới, ngày 25/4/2022</p> <p>Chứng nhận Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, số: 1161/7015/QĐ-ĐHCNGTVT, Trường ĐH Công nghệ GTVT, ngày 17/10/2023</p>
5	Quan Hồng Thị	Nhân viên	Cao đẳng nghề (thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ)	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Thí nghiệm viên về phương pháp thử các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường, số: QĐ 02/2015/TNV, Viện NCĐT và BDCB Hà Nội, ngày 18/1/2015
6	Nguyễn Phương Thúy	Nhân viên	Cử Nhân kế toán - Cử Nhân Quản trị kinh doanh	Chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng công trình giao thông: Số 01.K151.22/ Đ TTT-TNV Viện KHCNGTVT, ngày

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
				28/11/2022
7	Đỗ Việt Hùng	Nhân viên	Cử nhân địa chính	Phương pháp xác định các tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng: Số 4542/2008/VKH-TNXD Viện khoa học công nghệ xây dựng, ngày 28/11/2008
				Chứng chỉ thí nghiệm viên phương pháp thử các tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn: Số 4255/2008/VKH-CN-TNV, Viện KHCN GTVT, ngày 24/9/2008
				Chứng chỉ thí nghiệm viên xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường: Số 4409.2008/VKH-TNXD, Viện KHCN GTVT, ngày 10/11/2008
8	Nguyễn Văn Lợi	Nhân viên	Trung cấp xây dựng	Chứng nhận Thí nghiệm về vật liệu công trình giao thông, số: 14316/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 16/6/2017
				Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp thử các tính chất cơ – lý của Vật liệu kim loại và Liên kết hàn, số: 14364/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 19/6/2017
				Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ – lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng, số: 14204/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 31/5/2017
				Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp thử các tính chất cơ – lý của đất trong phòng và hiện trường, số: 14417/2017/VKH-TNXD, Viện KHCN XD, ngày 19/7/2017

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
				Chứng nhận Thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của Bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường, số: 15783-A15857B/VND-TNV, Viện Nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới, ngày 20/6/2022
9	Nguyễn Quang Hải	Nhân viên	Cao đẳng Xây dựng	Chứng chỉ thí nghiệm viên Chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông: Số 11.164.24/VKHCN-TNV, Viện KHCN và GTVT, ngày 10/10/2024
				Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc: Số 16097/2023/VKH-TNXD, Viện KHCN Xây dựng, ngày 5/5/2023
10	Phạm Xuân Nghị	Nhân viên	Trung cấp trắc địa	Chứng chỉ thí nghiệm viên Chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông: Số 09.K169.25/VKHCN-TNV, Viện KHCN và GTVT, ngày 02/12/2025

Trung tâm Kiểm định Chất lượng Xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang công bố về thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, để các chủ thể tham gia hoạt động lĩnh vực xây dựng trong và ngoài tỉnh biết liên hệ công việc./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND các xã, phường;
- Các BQLDA tỉnh và khu vực;
- VNPTOffice;
- <http://ttkd.tuyenquang.gov.vn>;
- LVT, HSNLTN.



Nguyễn Văn Giang